

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 2163^{9/18}/QC-PTN...HS...

- Tên mẫu thử / *Name of sample*: Metacare Gạo sữa dinh dưỡng & Olive
- Ký hiệu mẫu / *Sample No.:* 2018/0557-9/HS1
- Tình trạng mẫu / *Status of sample*: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 14/03/2018
- Nơi gửi mẫu / *Customer*: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm / *Test duration*: Từ ngày/ *From*: 14/03/2018 đến ngày/*To*: 27/03/2018
- Nơi thử nghiệm / *Place of testing*: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT <i>Item</i>	Tên chỉ tiêu thử <i>Specifications</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả <i>Results</i>
1	Protein*	g/100g	TCVN 8099-1:2015	15,38
2	Béo *	g/100g	TCVN 7084:2010	10,95
3	Xơ tổng số*	g/100g	TCVN 5103:1990	3,13
4	Carbohydrate	g/100g	<i>Food energy method of analysis and conversion factor</i>	67,68
5	Năng lượng	Kcal/100g	<i>Food energy method of analysis and conversion factor</i>	429,7
6	DHA	mg/100g	HD/HS1/154	21,2
7	Nucleotides	mg/100g	AOAC 2011.21.2012	32,5
8	Vitamin A	IU/100g	HD/HS1/077	848,1
9	Vitamin D3	IU/100g	HD/HS1/041	263,03
10	Vitamin E*	IU/100g	HD/HS1/040	6,20
11	Vitamin K1	µg/100g	HD/HS1/077	17,5
12	Vitamin C*	mg/100g	HD/HS1/018	62,09
13	Vitamin B1*	mg/100g	HD/HS1/039	0,66
14	Vitamin B2*	mg/100g	HD/HS1/042	0,37
15	Vitamin B3*	mg/100g	HD/HS1/045	6,66
16	Pantothenic acid	mg/100g	HD/HS1/048	2,14
17	Vitamin B6*	mg/100g	HD/HS1/116	0,68
18	Folic acid	µg/100g	HD/HS1/047	109,24
19	Vitamin B12	µg/100g	HD/HS1/049	0,77
20	Biotin	µg/100g	HD/HS1/051	9,98
21	Taurine*	mg/100g	HD/HS1/057	28,40



(Tiếp theo trang 1)

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
22	Canxi*	mg/100g	TCVN 6838:2011	366,1
23	Magie	mg/100g	AOAC 985.35.2012	77,3
24	Kẽm*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	4,16
25	Sắt*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	5,87
26	Đồng*	µg/100g	AOAC 999.11.2012	85,1
27	Photpho*	mg/100g	TCVN 9043:2012	144,8
28	Selenium	µg/100g	AOAC 986.15.2012	10,8
29	Mangan	µg/100g	AOAC 986.15.1012	338,2
30	Natri*	mg/100g	AOAC 2011.14.2012	31,9
31	Kali*	mg/100g	AOAC 2011.14.2012	315,2
32	Crom	µg/100g	AOAC 986.15.1012	10,8
33	Molypden	µg/100g	AOAC 986.15.2012	4,62
34	Iot	µg/100g	TCVN 7080:2002	55,7
35	Bifidobacterium và Lactobacillus	CFU/g	HD/HS1/148	1,8 x 10 ⁸

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Thử nghiệm viên
Analyst

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Hà nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018
Giám đốc
Director



Bùi Anh Hoàng



VILAS 710

Thị Việt Hồng



Phạm Lê Cường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 3326/18 / QC-PTN...HS

- Tên mẫu thử / Name of sample: Metacare Gạo sữa dinh dưỡng & Olive
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2018/1117-1/HS1
- Tình trạng mẫu/ Status of sample: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 03/05/2018
- Nơi gửi mẫu/ Customer: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm/ Test duration: Từ ngày/ From: 03/05/2018 đến ngày/To: 08/05/2018
- Nơi thử nghiệm/Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Thủy ngân*	mg/kg	TCVN 7604:2007	KPH (LOD = 0,05)
2	Cadimi*	mg/kg	AOAC 999.11.2012	KPH (LOD = 0,02)
3	Thiếc	mg/kg	TCVN 7730:2007	KPH (LOD = 0,2)
4	Aflatoxin M1	µg/kg	TCVN 6685:2009	KPH (LOD = 0,02)
5	Melamin	mg/kg	TCVN 9048:2012	KPH (LOD = 0,001)
6	Patulin*	µg/kg	HD/HS1/146	KPH (LOD = 1,0)

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2018

Thử nghiệm viên
Analyst

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Giám đốc
Director


Nguyễn Thị Huyền





Lê Thị Việt Hồng




Phạm Lê Cường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 21631/8 / QC-PTN...HS

- Tên mẫu thử / Name of sample: Metacare Gạo sữa dinh dưỡng & Olive
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2018/0557-1/HS1
- Tình trạng mẫu/ Status of sample: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 14/03/2018
- Nơi gửi mẫu/ Customer: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm/ Test duration: Từ ngày/ From: 14/03/2018 đến ngày/To: 27/03/2018
- Nơi thử nghiệm/Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Coliforms*	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH ($< 1,0 \times 10^1$)
2	Salmonella*/25g		TCVN 4829:2005	KPH
3	Chì*	mg/kg	TCVN 7602:2007	KPH (LOD = 0,02)
4	Fumonisin	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/164	KPH (LOD = 10,0)
5	Aflatoxin B1*	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/003	KPH (LOD = 0,1)
6	Deoxynivalenol-DON	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/145	KPH (LOD = 10,0)
7	Zearalenone	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/152	KPH (LOD = 1,0)
8	Ochratoxin A	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/153	KPH (LOD = 1,0)

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Thử nghiệm viên
Analyst


Nguyễn Thị Mỹ

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.


VILAS 710

Hà nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Giám đốc
Director




Phạm Lê Cường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 2164th 118 / QC-PTN HS

- Tên mẫu thử / Name of sample: Metacare Gạo lúc trộn sữa & Olive
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2018/0557-10/HS1
- Tình trạng mẫu / Status of sample: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu / Date of receiving: 14/03/2018
- Nơi gửi mẫu / Customer: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm / Test duration: Từ ngày/ From: 14/03/2018 đến ngày/To: 27/03/2018
- Nơi thử nghiệm / Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Protein*	g/100g	TCVN 8099-1:2015	15,75
2	Béo *	g/100g	TCVN 7084:2010	11,0
3	Xơ tổng số*	g/100g	TCVN 5103:1990	3,21
4	Carbohydrate	g/100g	Food energy method of analysis and conversion factor	67,06
5	Năng lượng	Kcal/100g	Food energy method of analysis and conversion factor	429,1
6	DHA	mg/100g	HD/HS1/154	20,8
7	Nucleotides	mg/100g	AOAC 2011.21.2012	31,8
8	Vitamin A	IU/100g	HD/HS1/077	862,3
9	Vitamin D3	IU/100g	HD/HS1/041	268,44
10	Vitamin E*	IU/100g	HD/HS1/040	6,90
11	Vitamin K1	µg/100g	HD/HS1/077	16,5
12	Vitamin C*	mg/100g	HD/HS1/018	61,57
13	Vitamin B1*	mg/100g	HD/HS1/039	0,64
14	Vitamin B2*	mg/100g	HD/HS1/042	0,36
15	Vitamin B3*	mg/100g	HD/HS1/045	6,42
16	Pantothenic acid	mg/100g	HD/HS1/048	2,19
17	Vitamin B6*	mg/100g	HD/HS1/116	0,65
18	Folic acid	µg/100g	HD/HS1/047	110,6
19	Vitamin B12	µg/100g	HD/HS1/049	0,78
20	Biotin	µg/100g	HD/HS1/051	9,24
21	Taurine*	mg/100g	HD/HS1/057	29,10

(Tiếp theo trang 1)

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
22	Canxi*	mg/100g	TCVN 6838:2011	367,0
23	Magie	mg/100g	AOAC 985.35.2012	78,1
24	Kẽm*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	4,28
25	Sắt*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	5,92
26	Đồng*	µg/100g	AOAC 999.11.2012	86,2
27	Photpho*	mg/100g	TCVN 9043:2012	143,4
28	Selenium	µg/100g	AOAC 986.15.2012	10,7
29	Mangan	µg/100g	AOAC 986.15.1012	341,1
30	Natri*	mg/100g	AOAC 2011.14.2012	31,8
31	Kali*	mg/100g	AOAC 2011.14.2012	318,8
32	Crom	µg/100g	AOAC 986.15.1012	10,7
33	Molybden	µg/100g	AOAC 986.15.2012	4,58
34	Iot	µg/100g	TCVN 7080:2002	60,73
35	Bifidobacterium và Lactobacillus	CFU/g	HD/HS1/148	2,3 x 10 ⁸

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Thử nghiệm viên
Analyst

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Giám đốc
Director



Bùi Anh Hoàng



VILAS Việt Hồng



Phạm Lê Cường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số / No: 2164/18 / QC-PTN HS

- Tên mẫu thử / Name of sample: Metacare Gạo lúc trộn sữa & Olive
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2018/0557-2/HS1
- Tình trạng mẫu / Status of sample: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu / Date of receiving: 14/03/2018
- Nơi gửi mẫu / Customer: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm / Test duration: Từ ngày / From: 14/03/2018 đến ngày / To: 27/03/2018
- Nơi thử nghiệm / Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Coliforms*	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH ($< 1,0 \times 10^1$)
2	Salmonella*/25g		TCVN 4829:2005	KPH
3	Chì*	mg/kg	TCVN 7602:2007	KPH (LOD = 0,02)
4	Fumonisin	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/164	KPH (LOD = 10,0)
5	Aflatoxin B1*	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/003	KPH (LOD = 0,1)
6	Deoxynivalenol-DON	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/145	KPH (LOD = 10,0)
7	Zearalenone	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/152	KPH (LOD = 1,0)
8	Ochratoxin A	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/153	KPH (LOD = 1,0)

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Thử nghiệm viên
Analyst

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Hà nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Mỹ

Lê Thị Việt Hồng
VILAS 710



Phạm Lê Cường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/Nội: 3327/18 / QC-PTN HS

- Tên mẫu thử / Name of sample: Metacare Gạo lức trộn sữa & Olive
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2018/1117-2/HS1
- Tình trạng mẫu/ Status of sample: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 03/05/2018
- Nơi gửi mẫu/ Customer: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm/ Test duration: Từ ngày/ From: 03/05/2018 đến ngày/To: 08/05/2018
- Nơi thử nghiệm/Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Thủy ngân*	mg/kg	TCVN 7604:2007	KPH (LOD = 0,05)
2	Cadimi*	mg/kg	AOAC 999.11.2012	KPH (LOD = 0,02)
3	Thiếc	mg/kg	TCVN 7730:2007	KPH (LOD = 0,2)
4	Aflatoxin M1	µg/kg	TCVN 6685:2009	KPH (LOD = 0,02)
5	Melamin	mg/kg	TCVN 9048:2012	KPH (LOD = 0,001)
6	Patulin*	µg/kg	HD/HS1/146	KPH (LOD = 1,0)

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Hà nội, ngày 08 tháng 05 năm 2018

Thử nghiệm viên
Analyst

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Mỹ

Nguyễn Thị Việt Hồng
VILAS 710

Phạm Lê Cường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 2166118 / QC-PTN HS

- Tên mẫu thử / Name of sample: Metacare gạo trái cây nhiệt đới & Olive
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2018/0557-12/HS1
- Tình trạng mẫu/ Status of sample: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 14/03/2018
- Nơi gửi mẫu/ Customer: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm/ Test duration: Từ ngày/ From: 14/03/2018 đến ngày/To: 27/03/2018
- Nơi thử nghiệm/Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Protein*	g/100g	TCVN 8099-1:2015	15,53
2	Béo *	g/100g	TCVN 7084:2010	10,91
3	Xơ tổng số*	g/100g	TCVN 5103:1990	3,12
4	Carbohydrate	g/100g	Food energy method of analysis and conversion factor	67,49
5	Năng lượng	Kcal/100g	Food energy method of analysis and conversion factor	429,1
6	DHA	mg/100g	HD/HS1/154	19,5
7	Nucleotides	mg/100g	AOAC 2011.21.2012	30,93
8	Vitamin A	IU/100g	HD/HS1/077	910,0
9	Vitamin D3	IU/100g	HD/HS1/041	242,5
10	Vitamin E*	IU/100g	HD/HS1/040	6,33
11	Vitamin K1	µg/100g	HD/HS1/077	17,2
12	Vitamin C*	mg/100g	HD/HS1/018	62,71
13	Vitamin B1*	mg/100g	HD/HS1/039	0,66
14	Vitamin B2*	mg/100g	HD/HS1/042	0,37
15	Vitamin B3*	mg/100g	HD/HS1/045	6,49
16	Pantothenic acid	mg/100g	HD/HS1/048	2,12
17	Vitamin B6*	mg/100g	HD/HS1/116	0,66
18	Folic acid	µg/100g	HD/HS1/047	113,7
19	Vitamin B12	µg/100g	HD/HS1/049	0,77
20	Biotin	µg/100g	HD/HS1/051	9,04
21	Taurine*	mg/100g	HD/HS1/057	29,74

(Tiếp theo trang 1)

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
22	Canxi*	mg/100g	TCVN 6838:2011	362,0
23	Magie	mg/100g	AOAC 985.35.2012	77,6
24	Kẽm*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	4,27
25	Sắt*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	6,05
26	Đồng*	µg/100g	AOAC 999.11.2012	85,3
27	Photpho*	mg/100g	TCVN 9043:2012	146,8
28	Selenium	µg/100g	AOAC 986.15.2012	10,7
29	Mangan	µg/100g	AOAC 986.15.1012	344,6
30	Natri*	mg/100g	AOAC 2011.14.2012	32,1
31	Kali*	mg/100g	AOAC 2011.14.2012	317,9
32	Crom	µg/100g	AOAC 986.15.1012	11,3
33	Molypden	µg/100g	AOAC 986.15.2012	4,47
34	Iot	µg/100g	TCVN 7080:2002	55,2
35	Bifidobacterium và Lactobacillus	CFU/g	HD/HS1/148	2,2 x 10 ⁸



Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Thử nghiệm viên
Analyst



Bùi Anh Hoàng

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.



Lê Thị Việt Hồng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Giám đốc
Director



Phạm Lê Cường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/Nội: 3329/18 /QC-PTN HS

- Tên mẫu thử / Name of sample: Metacare Gạo trái cây nhiệt đới & Olive
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2018/1117-4/HS1
- Tình trạng mẫu / Status of sample: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu / Date of receiving: 03/05/2018
- Nơi gửi mẫu / Customer: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm / Test duration: Từ ngày/ From: 03/05/2018 đến ngày/To: 08/05/2018
- Nơi thử nghiệm / Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Thủy ngân*	mg/kg	TCVN 7604:2007	KPH (LOD = 0,05)
2	Cadimi*	mg/kg	AOAC 999.11.2012	KPH (LOD = 0,02)
3	Thiếc	mg/kg	TCVN 7730:2007	KPH (LOD = 0,2)
4	Aflatoxin M1	µg/kg	TCVN 6685:2009	KPH (LOD = 0,02)
5	Melamin	mg/kg	TCVN 9048:2012	KPH (LOD = 0,001)
6	Patulin*	µg/kg	HD/HS1/146	KPH (LOD = 1,0)

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Hà nội, ngày 08 tháng 05 năm 2018

Thử nghiệm viên
Analyst

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Giám đốc
Director


Nguyễn Thị Mây


Việt Hồng
VILAS 710


Phạm Lê Cường



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 2166HS / QC-PTN HS

- Tên mẫu thử / Name of sample: Metacare gạo trái cây nhiệt đới & Olive
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2018/0557-4/HS1
- Tình trạng mẫu/ Status of sample: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 14/03/2018
- Nơi gửi mẫu/ Customer: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm/ Test duration: Từ ngày/ From: 14/03/2018 đến ngày/To: 27/03/2018
- Nơi thử nghiệm/Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Coliforms*	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH ($< 1,0 \times 10^1$)
2	Salmonella*/25g		TCVN 4829:2005	KPH
3	Chì*	mg/kg	TCVN 7602:2007	KPH (LOD = 0,02)
4	Fumonisin	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/164	KPH (LOD = 10,0)
5	Aflatoxin B1*	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/003	KPH (LOD = 0,1)
6	Deoxynivalenol-DON	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/145	KPH (LOD = 10,0)
7	Zearalenone	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/152	KPH (LOD = 1,0)
8	Ochratoxin A	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/153	KPH (LOD = 1,0)

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Hà nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Thử nghiệm viên
Analyst

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Giám đốc
Director


Nguyễn Thị Mỹ
Thị Việt Hồng

Phạm Lê Cường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 2165^a/18/QC-PTN...HS

- Tên mẫu thử / *Name of sample*: Metacare Yến mạch chuối & Olive
- Ký hiệu mẫu / *Sample No.*: 2018/0557-11/HS1
- Tình trạng mẫu / *Status of sample*: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 14/03/2018
- Nơi gửi mẫu / *Customer*: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm / *Test duration*: Từ ngày/ *From*: 14/03/2018 đến ngày/*To*: 27/03/2018
- Nơi thử nghiệm / *Place of testing*: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT <i>Item</i>	Tên chỉ tiêu thử <i>Specifications</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả <i>Results</i>
1	Protein*	g/100g	TCVN 8099-1:2015	15,69
2	Béo *	g/100g	TCVN 7084:2010	10,89
3	Xơ tổng số*	g/100g	TCVN 5103:1990	3,27
4	Carbohydrate	g/100g	<i>Food energy method of analysis and conversion factor</i>	67,27
5	Năng lượng	Kcal/100g	<i>Food energy method of analysis and conversion factor</i>	428,7
6	DHA	mg/100g	HD/HS1/154	19,3
7	Nucleotides	mg/100g	AOAC 2011.21.2012	32,0
8	Vitamin A	IU/100g	HD/HS1/077	876,0
9	Vitamin D3	IU/100g	HD/HS1/041	234,53
10	Vitamin E*	IU/100g	HD/HS1/040	7,48
11	Vitamin K1	µg/100g	HD/HS1/077	16,76
12	Vitamin C*	mg/100g	HD/HS1/018	67,62
13	Vitamin B1*	mg/100g	HD/HS1/039	0,68
14	Vitamin B2*	mg/100g	HD/HS1/042	0,39
15	Vitamin B3*	mg/100g	HD/HS1/045	7,02
16	Pantothenic acid	mg/100g	HD/HS1/048	2,22
17	Vitamin B6*	mg/100g	HD/HS1/116	0,71
18	Folic acid	µg/100g	HD/HS1/047	111,4
19	Vitamin B12	µg/100g	HD/HS1/049	0,81
20	Biotin	µg/100g	HD/HS1/051	8,78
21	Taurine*	mg/100g	HD/HS1/057	28,76



(Tiếp theo trang 1)

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
22	Canxi*	mg/100g	TCVN 6838:2011	364,7
23	Magie	mg/100g	AOAC 985.35.2012	77,6
24	Kẽm*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	4,25
25	Sắt*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	6,02
26	Đồng*	µg/100g	AOAC 999.11.2012	87,3
27	Photpho*	mg/100g	TCVN 9043:2012	145,4
28	Selenium	µg/100g	AOAC 986.15.2012	11,2
29	Mangan	µg/100g	AOAC 986.15.1012	342,8
30	Natri*	mg/100g	AOAC 2011.14.2012	32,2
31	Kali*	mg/100g	AOAC 2011.14.2012	318,3
32	Crom	µg/100g	AOAC 986.15.1012	10,9
33	Molypden	µg/100g	AOAC 986.15.2012	4,53
34	Iot	µg/100g	TCVN 7080:2002	57,6
35	Bifidobacterium và Lactobacillus	CFU/g	HD/HS1/148	1,5 x 10 ⁸

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Thử nghiệm viên
Analyst

Bùi Anh Hoàng

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Là Thị Việt Hồng
VILAS 710

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Giám đốc
Director



Phạm Lê Cường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 2165/18/QC-PTN/HS

- Tên mẫu thử / Name of sample: Metacare Yến mạch chuối & Olive
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2018/0557-3/HS1
- Tình trạng mẫu / Status of sample: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu / Date of receiving: 14/03/2018
- Nơi gửi mẫu / Customer: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm / Test duration: Từ ngày/ From: 14/03/2018 đến ngày/To: 27/03/2018
- Nơi thử nghiệm / Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Coliforms*	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH ($< 1,0 \times 10^1$)
2	Salmonella*/25g		TCVN 4829:2005	KPH
3	Chì*	mg/kg	TCVN 7602:2007	KPH (LOD = 0,02)
4	Fumonisin	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/164	KPH (LOD = 10,0)
5	Aflatoxin B1*	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/003	KPH (LOD = 0,1)
6	Deoxynivalenol-DON	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/145	KPH (LOD = 10,0)
7	Zearalenone	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/152	KPH (LOD = 1,0)
8	Ochratoxin A	$\mu\text{g}/\text{kg}$	HD/HS1/153	KPH (LOD = 1,0)

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).
KPH là không phát hiện.

Hà nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Thử nghiệm viên
Analyst

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Giám đốc
Director


Nguyễn Thị Mây


VILAS Việt Hồng




Phạm Lê Cường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 3328118 / QC-PTN HS

- Tên mẫu thử / Name of sample: Metacare Yến mạch chuối & Olive
- Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2018/1117-3/HS1
- Tình trạng mẫu / Status of sample: 01 hộp
- Ngày nhận mẫu / Date of receiving: 03/05/2018
- Nơi gửi mẫu / Customer: Công ty TNHH Dinh dưỡng Nutricare
- Thời gian thử nghiệm / Test duration: Từ ngày/ From: 03/05/2018 đến ngày/To: 08/05/2018
- Nơi thử nghiệm / Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Thủy ngân*	mg/kg	TCVN 7604:2007	KPH (LOD = 0,05)
2	Cadimi*	mg/kg	AOAC 999.11.2012	KPH (LOD = 0,02)
3	Thiếc	mg/kg	TCVN 7730:2007	KPH (LOD = 0,2)
4	Aflatoxin M1	µg/kg	TCVN 6685:2009	KPH (LOD = 0,02)
5	Melamin	mg/kg	TCVN 9048:2012	KPH (LOD = 0,001)
6	Patulin*	µg/kg	HD/HS1/146	KPH (LOD = 1,0)

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005).

KPH là không phát hiện.

Hà nội, ngày 08 tháng 05 năm 2018

Thử nghiệm viên
Analyst

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Mận

VILAS 710

Thị Việt Hồng

Phạm Lê Cường